5350
2005

G NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TÂM NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM ĐẬU ĐỖ

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHỌN LỌC GIỐNG ĐẬU TƯƠNG AK.06

VIỆN DI TRUYỀN NÔNG NGHIỆP

Hà Nội - 2002

5350

27/05/05

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHỌN LỌC GIỐNG ĐẬU TƯƠNG AK.06

Đỗ Minh Nguyệt, Ngô Quang Thắng, Hoàng Minh Tâm,
Trần Đình Đông, Đỗ Thị Lan, Trần Đình Long, Nguyễn Thị Chinh,
Trần Thị Trường, Trần Tú Ngà, Mai Quang Vinh và CTV.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đậu tương là cây công nghiệp ngắn ngày được trồng 3 vụ trong năm với các công thức luân canh cây trồng khác nhau. Hầu hết những giống đậu tương trồng trong sản xuất hiện nay thường chỉ thích ứng và cho năng suất cao ở một hoặc hai vụ. Một số giống mới có thể trồng và cho năng suất ở cả 3 vụ trong năm. Tuy nhiên các giống này chủ yếu thích ứng trong vụ hè, xuân muộn và đông sớm còn ở vụ xuân sớm và đông muộn, trên nền đất trũng năng suất của chúng thường bị hạn chế, hiệu quả kinh tế thấp ảnh hưởng đến việc mở rộng diện tích gieo trồng, đặc biệt trên diện tích đất sau 2 vụ lúa .

Giống đậu tương AK.06 do Trung tâm NCTN Đậu đỗ - Viện KHKT Nông nghiệp Việt Nam và Trường Đại học Nông nghiệp I chọn lọc và giới thiệu nhằm khắc phục những hạn chế trên. Giống AK.06 đã được Hội đồng khoa học Bộ Nông nghiệp và PTNT cho phép khu vực hoá trên diện rộng năm 1999.

2 MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU.

2.1. Mục tiêu:

Chọn giống đậu tương có thời gian sinh trưởng trung bình, năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu sâu bệnh khá và thích hợp với nhiều vụ, vùng sinh thái khác nhau.

2.2. Nội dung nghiên cứu

- Chọn lọc dòng thuần
- So sánh sơ bộ và chính quy
- Khảo ghiệm ở các vùng sinh thái.
- Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm ở một số địa phương phía Bắc Việt nam
- Khu vực hoá giống trên diện rộng

3. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Vật liệu

Gồm tập đoàn giống đậu tương trong đó có mẫu mang ký hiệu D.55 được thu thập từ trường Đại học nông nghiệp I năm 1994. Theo số liệu của trường Đại học Nông nghiệp I cung cấp, D.55 được tạo ra bằng phương pháp xử lý đột biến tia gamma (10 Kr) trên giống ĐT.74, sau đó kết hợp xử lý hoá học bằng Ethylenimine (0,02%) trong 6 giờ ở vụ đông năm 1990. Các giống AK.03, AK.05 và DT.84 được sử dụng làm đối chứng.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

+ Phương pháp chọn lọc: Chọn lọc cá thể.

+ Các thí nghiệm khảo nghiệm so sánh giống được bố trí theo phương pháp khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh, các thí nghiệm về mật độ, phân bón bố trí theo phương pháp ô phụ.

+ Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá theo hướng dẫn của Trung Tâm Nghiên cứu Rau màu Châu á (1979).

+ Toàn bộ số liệu thu được được xử lý thống kê trên phần mềm IRRISTAT.

3.3. Địa điểm nghiên cứu

Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Đậu đỗ-Viện KHKT Nông nghiệp Việt Nam và Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Một số đặc điểm cơ bản của giống AK.06.

Giống đậu tương AK.06 thuộc loại hình sinh trưởng hữu hạn, cây dạng đứng, lá hình trứng nhọn màu xanh nhạt, lông phủ màu nâu vàng, hoa trắng, quả khi chín khô có màu nâu, vỏ hạt vàng, rốn hạt màu nâu nhạt.

AK.06 có chiều cao cay trung bình từ 32,9-58,8 cm tuỳ theo vụ gieo trồng, thấp nhất trong vụ đông và cao nhất trong vụ hè, giống có khả năng phân cành mạnh, số quả chắc trung bình đạt 17,0-30,5 quả/cây, số hạt/quả cao từ 2,1-2,3 hạt, khối lượng 100 hạt lớn 16,0-17,9g.

AK.06 là giống có phản ứng yếu với độ dài ngày, sinh trưởng phát triển tốt ở cả 3 vụ trong năm: xuân, hè, đông. Thời gian sinh trưởng của AK.06 ngắn nhất trong vụ hè 81-88 ngày, vụ đông 85-90 ngày và dài nhất trong vụ xuân 95-98 ngày. Năng suất trung bình đạt cao nhất ở vụ hè là 24,2 tạ/ha, tiếp đến là vụ xuân 23,5 tạ/ha, và thấp nhất ở vụ đông 17,0 tạ/ha.

Bảng 1. Một số đặc điểm cơ bản của giống AK.06

TT	*Đặc điểm*	*Vụ xuân*	*Vụ hè*	*Vụ đông*
1	Màu lông phủ	nâu vàng	nâu vàng	nâu vàng
2	Màu sắc hoa	trắng	trắng	trắng
3	Màu quả chín khô	nâu	nâu	nâu
4	Màu vỏ hạt	vàng	vàng	vàng
5	Màu rốn hạt	nâu nhạt	nâu nhạt	nâu nhạt
6	Dạng hạt	oval	oval	oval
7	Chiều cao cây (cm)	52,6	58,8	32,9
8	Số đốt trên thân	12,6	12,8	10,6
9	Số cành cấp I	3,8	3,4	3,1
10	Số quả chắc/cây	24,2	30,5	17,0
11	Số hạt/quả	2,3	2,2	2,1
12	KL.100 hạt, (g)	17,9	16,2	16,2
13	Thời gian gieo-ra hoa, (ngày)	40-45	35-38	32-35
14	Thời gian sinh trưởng, (ngày)	95-98	81-88	85-90
15	Năng suất trung bình, (tạ/ha)	23,5	24,2	17,0

4.2. Đánh giá năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của giống AK-06

4.2.1. Kết quả so sánh giống

Số liệu thu được qua các năm 1996-1999 ở bảng 2 cho thấy, so với các giống thích hợp trong vụ xuân như: AK.05 và VX.9-2 thì AK.06 có thời gian sinh trưởng tương đương, nhưng lại dài hơn giống DT.84 khoảng 7 ngày. Giống AK.06 có ưu điểm là phân cành mạnh, có số quả chắc/cây, số hạt/quả và khối lượng 100 hạt lớn nên cho năng suất khá cao ngang VX.9-2, vượt AK.05 và DT.84 từ 15,2 - 29,1%.

Trong vụ hè giống AK.06 sinh trưởng phát triển mạnh, cho năng suất cao và có thời gian sinh trưởng tương đương với các giống chính hè như: DT.84 và M.103.

Trong vụ đông AK.06 cho năng suất hạt cao hơn các giống AK.03 và AK.05 nhưng lại có thời gian sinh trưởng ngắn hơn AK.05 và VX.9-3 từ 6-8 ngày. So với đối chứng DT.84 thì AK.06 có thời gian sinh trưởng tương đương nhưng lại có ưu thế hơn về chiều cao cây, số cành và số quả chắc/cây nên đã cho năng suất cao hơn 39,3%. So với giống AK.03 được trồng phổ biến trong vụ đông, thì AK.06 sinh trưởng dài hơn 5 ngày, nhưng cho năng suất cao hơn 25,9% .

Từ kết quả trên có thể rút ra là giống AK.06 có khả năng sinh trưởng phát triển tốt và cho năng suất trung bình khá cao trong cả 3 vụ : Xuân, Hè, Đông.

Bảng 2. Kết quả so sánh giống đậu tương AK.06

(Số liệu trung bình 1996 - 1999)

Tên giống	*TGST (ngày)*	*Cao cây (cm)*	*Cành cấp 1*	*Số quả chắc/cây*	*Số hạt/quả*	*P. 100 hạt (g)*	*NS (tạ/ha)*
			Vụ xuân				
AK.05 (đ/c)	98	52,0	3,7	21,2	2,0	14,5	20,4
VX.9-2	96	48,8	1,6	24,8	2,1	15,7	23,1
DT.84	91	37,4	1,8	19,9	2,1	17,7	18,2
AK.06	98	52,1	3,8	24,2	2,3	17,9	23,5
CV%							15,9
LSD 5%							2,14
			Vụ hè				
DT.84 (đ/c)	90	58,1	1,5	31,3	2,2	17,6	25,0
M.103	790	57,4	1,9	30,7	2,2	17,3	23,5
AK. 06	89	58,8	3,4	30,5	2,2	16,2	24,2
CV%							13,8
LSD 5%							2,5
			Vụ đông				
AK. 05 (đ/c)	93	30,8	3,1	16,1	2,1	15,1	15,4
VX. 9-3	95	33,2	3,3	18,5	2,0	15,6	17,2
DT.84	84	25,7	1,3	12,2	2,1	17,2	12,2
AK.06	87	35,2	3,1	17,0	2,4	17,0	17,0
AK.03	82	30,2	3,0	18,0	1,8	13,4	13,5
CV%							15,3
LSD5%							2,95

4.2.2 Kết quả nghiên cứu về mật độ và phân bón

Số liệu thu được ở bảng 3 chỉ rõ rằng, trong điều kiện vụ xuân năng suất giống AK.06 đã tăng dần lên khi tăng mật độ từ 25 đến 35 cây/m^2 trên tất cả các nền phân sử dụng. Khi tăng mật độ trên 40 cây/m^2 năng suất của giống bị giảm một cách đáng kể. Mật độ thích hợp để giống AK.06 phát huy năng suất là từ 30-35 cây/m^2.

Trên các nền phân bón có sử dụng NPK (P_2 và P_3) đã làm tăng năng suất giống AK.06 lên một cách có ý nghĩa so với công thức đối chứng (P1) chỉ sử dụng phân chuồng. Sự chênh lệch về năng suất giữa 2 công thức phân bón P2 và P3 là không có ý nghĩa. Do vậy, để thu được hiệu quả kinh tế cao nên bón phân cho giống AK.06 theo công thức : 30kg N : 60 kg P_2O_5 : 60kg K_2O + 10 tấn phân chuồng/ha.

Bảng 3. Ảnh hưởng của mật độ và phân bón đến năng suất giống đậu tương AK.06 trong vụ xuân

Mật độ	*Nền phân*			
	P1	*P2*	*P3*	*TB*
25 cay/m^2	17,63	19,53	19,95	19,03
30 cây/m^2	18,30	22,75	22,75	21,27
35 cây/m^2	19,43	21,63	21,63	20,89
40 cây/m^2	18,60	20,48	19,63	19,57
45 cây/m^2	17,45	17,33	17,18	17,32
TB	18,28	20,34	20,22	
$LSD_{0.05}$ (phân bón) = 0,53	$LSD_{0.05}$ (mật độ) = 0.68, $LSD_{0.05}$ (MĐPB) = 0.57			

Chú thích: *P1: 10 tấn phân chuồng /ha (nền)*
P2: Nền + 30 kg N : 60 kg P_2O_5 : 60 kg K_2O
P3: Nền + 60 kg N : 90 kg P_2O_5 : 90 kg K_2O

4.2.3. Kết quả đánh giá khả năng chống chịu của giống AK.06

Về khả năng chống chịu với sâu, bệnh và điều kiện ngoại cảnh bất thuận bảng 4 cho thấy; giống AK.06 chống chịu ở mức trung bình đến khá đối với bệnh gỉ sắt, nhiễm nhẹ các bệnh đốm nâu và lở cổ rễ, kháng tốt với giòi đục thân và sâu cuốn lá, chống chịu hạn, nóng và lạnh ở mức khá, chịu đổ ở mức trung bình đến khá và không bị tách quả trước lúc thu hoạch .

Bảng 4. Khả năng chống chịu của giống AK.06

(số liệu tổng hợp của TTKKNGCTTW (1998 - 1999).

Giống	*Gỉ sắt (1-9)*	*Đốm nâu (1-9)*	*Lở cổ rễ (1-9)*	*Giòi đục thân (%)*	*Sâu cuốn lá (%)*	*Tính chịu hạn (1-5)*	*Tính chịu nóng (1-5)*	*Tính tách quả (1-5)*	*Tính chống đổ (1-5)*
DT.84 (đ/c)	3	3	3	10,0	39,3	1	1	2	1
D.99	3	3	5	10,0	34,4	1	1	1	1
AK.06	3-5	3	3	10,0	9,8	1	1	1	1
AK.08	3-5	3	3	19,7	11,5	1	1	1	1

4.2.4. Kết quả khảo nghiệm Quốc gia

AK.06 tham gia khảo nghiệm giống Quốc gia trong 2 năm 1998 - 1999 ở 5 tỉnh khác nhau của miền Bắc (bảng 5).

Vụ xuân 1998 tại 4 điểm khảo nghiệm so sánh với 4 giống đậu tương khác AK.06 đã cho năng suất cao nhất ở 2 điểm: Vĩnh Phúc và Thái Nguyên, đặc biệt tại điểm Thái Nguyên AK.06 đã cho năng suất vượt đối chứng DT.84 là 35%. Kết quả năng suất trung bình tại 4 điểm khảo nghiệm cho thấy AK.06 là 1 trong 2 giống cho năng suất cao nhất.

Vụ xuân 1999, AK.06 đã cho năng suất cao nhất trong tất cả các giống tại 3 trong 4 điểm khảo nghiệm và được xếp là giống cho năng suất trung bình cao nhất trong nhóm giống có thời gian sinh trưởng trung bình, đạt 25,1 tạ/ha - vượt đối chứng DT.84 là 25%. Đáng chú ý là ở thời vụ sớm, gieo 12/2/1999 tại điểm thử nghiệm Thanh Hoá trên đất trồng lúa AK.06 đã cho năng suất vượt tất cả các giống từ 18,3 - 38,9%.

Vụ đông 1998 trong 4 giống so sánh ở 2 điểm khảo nghiệm thì AK.06 tuy xếp thứ nhì về năng suất sau D.96 ở thời vụ sớm gieo 3/10/1998/ tại Vĩnh Phúc, nhưng lại xếp đầu bảng ở thời vụ rất muộn gieo 15/10/1998 tại Hà Nội, năng suất vượt xa tất cả các giống từ 38 - 53%. Theo đánh giá của Trung tâm Khảo Kiểm nghiệm Giống cây trồng Trung Ương thì giống đậu tương AK.06 là giống có thời gian sinh trưởng trung bình, tiềm năng năng suất cao, thích ứng rộng, nhiễm nhẹ với các loại sâu bệnh và chống chịu khá với mọi điều kiện thời tiết bất thuận.

Bảng 5. Năng suất AK.06 ở các điểm khảo nghiệm 1998 - 1999 (tạ/ha).

Tên giống	*Điểm khảo nghiệm*					*NSTB*	*CV*
	Hà Nội	*Hải Dương*	*Thanh Hoá*	*Vĩnh Phúc*	*Thái Nguyên*	*(tạ/ha)*	*(%)*
Vụ xuân 1998							
DT.84 (đ/c)	14,1	20,0		20,0	14,3	17,1	19,6
D.96	15,6	20,3	-	18,6	-	18,2*	13,1
Đ.96 - 02	15,3	20,3	-	19,6	14,9	17,5	16,7
AK.06	15,0	18,0	-	20,3*	19,3*	18,2*	12,7
AK.08	15,0	18,0	-	19,1		17,4	12,2
CV (%)	6,5	6,5	-	8,6	10,6	-	
$LSD_{0.05}$	1,7	2,2	-	3,0	3,9		
Ngày gieo	18/2/99			9/2/99	9/3/99		
Vụ xuân 1999							
DT.84 (đ/c)	26,3	19,1	14,8	20,0	-	20,1	23,7
D.99	24,5	17,2	14,4	23,0	-	19,8	24,1
AK.06	30,0*	22,4*	20,0*	28,1	-	25,1*	18,8
AK.08	28,5	19,5	16,9	32,4	-	24,3	30,1
CV (%)	3,3	11,0	6,7	5,3	-	-	
$LSD_{0.05}$	1,7	3,9	2,1	2,7	-		
Ngày gieo	26/2/99	26/2/99	12/2/99	25/2/99			
Vụ đông 1998							
DT.84 (đ/c)	9,0	-	-	15,2	-	12,1	36,2
D.96	10,0	-	-	25,8	-	17,9	62,4
D.99	9,5	-	-	12,3	-	10,9	18,2
AK.06	13,8	-	-	18,5	-	16,2	20,6
CV (%)	9,2	-	-	10,8	-	-	
$LSD_{0.05}$	3,0	-	-	2,1			
Ngày gieo	15/10/99			3/10/99			

Kết quả khảo nghiệm năm 2000-2001 ở hầu hết các địa phương triển khai một lần nữa cho thấy, giống AK.06 đều cho năng suất cao so với các giống đậu tương khác trong cả 3 vụ/năm : Xuân, Hè, Đông (bảng 6).

Bảng 6: Năng suất AK.06 ở các điểm khảo nghiệm năm 2000 - 2001 *(tạ/ha)*

TT	*Tên giống*	***Điểm khảo nghiệm vụ đông 2000***			***NSTB***
		Việt Trì	*Hà Tây*	*Hà Nội*	*(tạ/ha)*
1	AK05	16.8	13.5	15.1	15.1
2	AK06	17.09	13.1	17.26	15.8
3	AK03	-	13.8	14.8	14.3
4	TL57	14.3	-	-	14.3
5	DT84	15.1	1.25	14.5	10.3

Điểm khảo nghiệm vụ xuân 2001								
TT	*Tên giống*	*Hải Dương*	*Lạng Sơn*	*Hà Nội*	*Bình Định*	*Hoà Bình*	*Thái Nguyên*	
		24.4	17.6	15.2	-	14.2	12.5	16.8
2	AK06	10.3	18.1	24.5	11.6	20.8	18.5	17.3
3	TL57	28.3	-	13.5	-	12.1	11	16.2
4	DT84	13.1	12.7	18.6	-	-	-	14.8

Điểm khảo nghiệm vụ hè 2001					
TT	*Tên giống*	*Hoà Bình*	*Thái Nguyên*	*Lào Cai*	
1	AK05	13.97	14.01	21.6	16.5
2	AK06	18.75	18.12	22.7	19.8
3	DT84	-	-	25.8	25.8
4	TL57	11.68	10.20	21.1	14.3

Điểm khảo nghiệm vụ đông 2001				
TT	*Tên giống*	*Hà Tây*	*Việt Trì*	
1	*DT84*	13.1	12.7	12.9
2	*AK06*	13.6	13.1	13.4
3	*AK05*	14.1	12.9	13.5
4	*ĐT93*	17.3	11.7	14.5

4.2.5 Kết quả thử nghiệm trong sản xuất

Trong các năm 1998-2002 giống đậu tương AK.06 đã được gửi đi trồng thử nghiệm tại nhiều địa phương thuộc các tỉnh Miền Bắc ở cả 3 vụ trong năm : xuân, hè, đông. Kết quả cho thấy, mặc dù thống kê chưa thật đầy đủ song diện tích AK.06 trong sản xuất đã đạt 746 ha, năng suất giao động từ 15,0 đến 22,5 tạ/ha tuỳ thuộc vào thời vụ và địa điểm gieo trồng (bảng 8). Ở vụ hè giống AK.06 cho năng suất cao nhất, sau đó là vụ xuân và vụ đông. Mặc dù vậy, AK.06 đã tỏ ra thích hợp trong vụ đông trên vùng đất 2 vụ lúa ở đồng bằng Sông Hồng nên đã được nông dân nhanh chóng tiếp thu mở rộng diện tích như vụ đông 1999 hợp tác xã Phú Phong, Phú Xuyên đã trồng gần 100 ha trên tổng số 250 ha đậu tương đông.

Tại Hội nghị đầu bờ vụ hè ở huyện Gia Lâm - Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 1998 giống đậu tương AK.06 được đánh giá là có khả năng sinh trưởng phát triển mạnh trong vụ hè, cho năng suất khá cao từ 22-23 tạ/ha. Giống AK.06 có ưu điểm là không bị bệnh xoăn lá, chịu úng khá, thời gian sinh trưởng ngắn, được khuyến khích phát triển để thay dần chân đất lúa mùa cấy cưỡng không chắc chắn.

Tại Hội nghị đầu bờ vụ đông ở huyện Phú Xuyên - Hà Tây, ngày 15 tháng 12 năm 1999 giống AK.06 cũng được đánh giá rất tốt, năng suất thống kê đạt 85-90 kg/sào Bắc Bộ. Huyện đã có chủ trương phát triển nhanh giống AK.06 để thay thế giống AK.03.

Hiện nay giống AK.06 đang được phát triển mạnh trong sản xuất ở các tỉnh miền Bắc trong các cơ cấu luân canh cây trồng chính như ở bảng 7.

Bảng 7. Vị trí của AK.06 trong sản xuất

Cơ cấu luân canh chính	*Chân đất*
Đậu tương xuân + Lúa mùa + Cây vụ đông	Một lúa, một màu
Đậu tương xuân + Ngô hè thu + Cây vụ đông	Đất chuyên màu
Đậu tương xuân + Ngô thu đông	Đất bãi ven sông ngập nước
Đậu tương xuân hè + Ngô thu đông	Đất chuyên màu vùng núi
Ngô xuân + Đậu tương hè + Cây vụ đông	Đất chuyên màu
Lạc xuân + Đậu tương hè + Cây vụ đông	Đất chuyên màu
Lúa xuân + Lúa mùa + Đậu tương đông	Đất hai lúa

Bảng 8. Kết quả thử nghiệm giống AK.06 ngoài sản xuất

Năm, vụ	*Tên địa phương*	*Diện tích (ha)*	*Năng suất (tạ/ha)*
1998- Vụ hè	Gia Lâm - Hà nội	5,0	22,5
Vụ đông	Đông Anh - Hà nội	3,0	15,0
	Chương Mỹ - Hà Tây	2,0	17,5
	Phú Xuyên - Hà Tây	8,0	16,0
	Chí Linh - Hải Dương	1,0	17,5
1999	Chí Linh - Hải dương	26,0	18,5
Vụ xuân	Văn Giang - Hưng Yên	4,0	18,0
	Phú Xuyên - Hà Tây	7,0	19,0
Vụ hè	Thuận Thành - Bắc Ninh	5,0	19,5
	Chợ Đồn, Bắc Kạn	1,0	18,0
	Gia Lâm - Hà Nội	10,0	21,5
	Hoà Bình	15,0	22,3
Vụ đông	Phú Xuyên- Hà Tây	100,0	20,0
	Chí Linh - Hải Dương	24,0	20,5
2000 - Vụ xuân	Thuận Thành - Bắc Ninh	20	18.5
	Chợ Đồn, Bắc Kạn	26	17.6
	Gia Lâm - Hà Nội	10	19.0
	Lập Thạch-Vĩnh Phúc	20	17.5
	Hoà Bình	20	21.5
Vụ hè	Thuận Thành - Bắc Ninh	10	20.1
	Hòa bình	35	20.3
2001- Vụ xuân	Bắc ninh,	10	18.6
	Bắc giang,	5	19.6
	Hoà bình,	40	18.4
Vụ hè	Bắc ninh,	20	17.6
	Bắc giang,	15	18.0
	Hoà bình,	40	17.9
	Quảng ninh	15	20.5
Vụ đông	Bắc Ninh,	60	19.3
	Hà tây,	30	21.6
	Phú Thọ,	20	19.7
	Hưng yên	10	22.3
2002 - Vụ xuân	Hà Tây,	15	19.5
	Bắc giang,	10	18.7
	Nam định,	10	18.6
	Quảng ninh	24	20.7
	Sơn tây	15	21.4
	Hoà Bình	45	18,6
	Gia Lâm-Hà Nội	15	18.7
	Bắc Ninh	5	19.2
Tổng số		746	

5. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

5.1. Kết luận

- Giống đậu tương AK.06 có thời gian sinh trưởng trung bình 81-98 ngày, có thể trồng được 3 vụ trong 1 năm : xuân, hè và thu-đông

- AK.06 cho năng suất cao và ổn định: trung bình ở vụ xuân đạt 23,5 tạ/ha, vụ hè đạt 24,2 tạ/ha và vụ thu-đông đạt 17,0 tạ/ha.

- Giống AK.06 có khả năng chống chịu sâu bệnh khá, thích ứng rộng trong sản xuất ở các tỉnh Miền Bắc. Đến nay diện tích giống AK.06 trong sản xuất đã đạt 746 ha. Đã tổ chức hai Hội nghị đầu bỡ: tại Gia Lâm - Hà Nội ngày 14/9/1998 và Phú Xuyên - Hà Tây ngày 15/12/1999.

5.2. Đề nghị

Đề Hội đồng Khoa học Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho phép công nhận giống đậu tương AK.06 là giống Quốc gia.

QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG ĐẬU TƯƠNG AK.06

I. NGUỒN GỐC VÀ HƯỚNG ÁP DỤNG:

Giống đậu tương AK06 được Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Đậu đỗ - Viện KHKT Nông Nghiệp chọn lọc từ nguồn vật liệu do trường Đại học Nông nghiệp I cung cấp mang ký hiệu là D.55.

Giống AK06 có thể đưa vào cơ cấu cây trồng cho cả 3 vụ/năm : xuân, hè, đông ở các tỉnh Miền bắc.

II- ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI:

Cây cao trung bình 40-60cm tuỳ theo từng vụ. Hoa trắng, độ phân cành vừa phải, bộ lá gọn, hạt vàng sáng to không nứt, rốn hạt màu vàng trắng, trọng lượng 1000hạt từ 165 - 180g.

III- ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC:

- Thời gian sinh trưởng: vụ xuân và vụ hè 90-95 ngày, vụ đông 85-90 ngày.
- Tập tính sinh trưởng: hữu hạn, phản ứng trung tính với quang chu kỳ
- Năng suất: 17-25 tạ/ha. Tiềm năng năng suất có thể đạt 30 tạ/ha.

IV- QUY TRÌNH KỸ THUẬT:

* ***Đất*** : chọn đất cát pha, thịt nhẹ, chủ động tưới tiêu, pH = 5.5-7

* ***Thời vụ***: Vụ xuân từ 15/2 - 10/3, vụ hè từ 15/6 - 30/6, vụ thu đông 25/8 - 5/10.

* ***Mật độ:*** Vụ xuân và hè 30 – 35 cây/m^2, vụ đông 45-50 cây/m^2

* ***Phân bón:*** Phân chuồng 8-10 tấn, 30N: $60P_2O_5$: $60K_2O$/ha, vôi bột 400-500 kg/ha. Tính trên 1 sào Bắc Bộ: PC 300-350 kg, đạm urê 1,5-2,0 kg, lân supe10-12 kg, kali 4-4,5 kg, vôi 15-18 kg.

* ***Cách bón***: Toàn bộ phân chuồng, lân, 1/ 2 đạm và kali bón lót vào rạch, số còn lại bón thúc lúc cây có 4-5 lá. Trước khi gieo hạt cần lấp nhẹ đất lên phân lót, tránh để hạt giống tiếp xúc trực tiếp lên phân.

* ***Chăm sóc:***

- Xới sáo 2 - 3 lần từ lúc 2 lá thật, vun gốc lúc 4 - 5 lá thật.

- Bấm ngọn: Lúc cây có 4 - 5 lá thật, áp dụng cho vụ hè khi cây quá tốt, tăng khả năng chống đổ, tăng năng suất.

* ***Phòng trừ sâu bệnh***: chú ý phòng trừ dòi đục thân, dòi đục quả, sâu cuốn lá, sâu khoang, rệp, sâu đục quả bằng Ofatox, Sumicidin, bọ xít bằng Bassa 0,1% + Dipterex.

- Nên phun định kỳ lúc cây 2 lá đơn, 4 - 5 lá thật, trước ra hoa, khi tắt hoa làm quả. Phun thuốc tiến hành lúc chiều mát, không phun buổi sáng gây xoăn hoặc cháy lá.

- Bón phân qua lá: dùng chế phẩm Vilado Komix hoặc một số chế phẩm khác hoà lẫn thuốc sâu phun trước ra hoa và khi quả vào chắc.

* ***Thu hoạch:*** Khi 2/3 số quả già chuyển sang màu vàng sẫm (khô). Chọn thời tiết nắng ráo để thu hoạch, phơi đập, lấy hạt. Hạt để giống không được phơi trực tiếp lên sàn gạch, xi măng. Phơi song để hạt nguội mới cho hạt vào bao để bảo quản.

Địa chỉ liên hệ: *Trung tâm NCTN Đậu Đỗ*
Viện KHKTNN Việt Nam,
Thanh Trì - Hà Nội.
ĐT: 04.6810246, 04.8613919
Fax: 04 8613937.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
CHỌN LỌC GIỐNG ĐẬU TƯƠNG AK.06
(Báo cáo tóm tắt)

Giống đậu tương AK.06 do Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Đậu đỗ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam chọn lọc từ nguồn vật liệu do trường Đại học nông nghiệp I cung cấp năm 1994 mang ký hiệu là D.55. D.55 được tạo ra bằng phương pháp xử lý đột biến tia gamma (10 Kr) trên giống ĐT.74, sau đó kết hợp xử lý hoá học bằng Ethylenimine (0,02%) trong 6 giờ ở vụ đông năm 1990.

Giống AK.06 đã được Hội đồng khoa học Bộ Nông nghiệp và PTNT cho phép khu vực hoá trên diện rộng năm 1999.

Giống đậu tương AK.06 thuộc loại hình sinh trưởng hữu hạn, cây dạng đứng, lá hình trứng nhọn màu xanh nhạt, lông phủ màu nâu vàng, hoa trắng, quả khi chín khô có màu nâu, vỏ hạt vàng, rốn hạt màu nâu nhạt (bảng 1).

Bảng 1. Một số đặc điểm cơ bản của giống AK.06

TT	*Đặc điểm*	*Vụ xuân*	*Vụ hè*	*Vụ đông*
1	Màu lông phủ	nâu vàng	nâu vàng	nâu vàng
2	Màu sắc hoa	trắng	trắng	trắng
3	Màu quả chín khô	nâu	nâu	nâu
4	Màu vỏ hạt	vàng	vàng	vàng
5	Màu rốn hạt	nâu nhạt	nâu nhạt	nâu nhạt
6	Dạng hạt	oval	oval	oval
7	Chiều cao cây (cm)	52,6	58,8	32,9
8	Số đốt trên thân	12,6	12,8	10,6
9	Số cành cấp I	3,8	3,4	3,1
10	Số quả chắc/cây	24,2	30,5	17,0
11	Số hạt/quả	2,3	2,2	2,1
12	KL.100 hạt, (g)	17,9	16,2	16,2
13	Thời gian gieo-ra hoa, (ngày)	40-45	35-38	32-35
14	Thời gian sinh trưởng, (ngày)	95-98	81-88	85-90
15	Năng suất trung bình, (tạ/ha)	23,5	24,2	17,0

Giống AK.06 đã qua khảo nghiệm giống Quốc gia 1998-1999. Tại các điểm khảo nghiệm cho thấy năng xuất của giống AK.06 đều cao hơn các giống được chọn làm đối chứng từ 15,2-33,9%, đặc biệt ở các vụ xuân sớm trước 15/2 và đông muộn sau 5/10.

Kết quả khu vực hoá năm 2000-2001 cũng cho thấy, AK.06 luôn cho năng suất cao so với các giống đối chứng trong cả 3 vụ/năm: Xuân, Hè , Đông (bảng 2).

Bảng 2: Năng suất AK.06 ở các điểm khảo nghiệm năm 2000 - 2001 (tạ/ha)

TT	Tên giống	Điểm khảo nghiệm vụ đông 2000			NSTB (tạ/ha)
		Việt Trì	Hà Tây	Hà Nội	
1	AK05	16.8	13.5	15.1	15.1
2	AK06	17.09	13.1	17.26	15.8
3	AK03	-	13.8	14.8	14.3
4	TL57	14.3	-	-	14.3
5	DT84	15.1	1.25	14.5	10.3

Điểm khảo nghiệm vụ xuân 2001								
TT	Tên giống	Hải Dương	Lạng Sơn	Hà Nội	Bình Định	Hoà Bình	Thái Nguyên	
		24.4	17.6	15.2	-	14.2	12.5	16.8
2	AK06	10.3	18.1	24.5	11.6	20.8	18.5	17.3
3	TL57	28.3	-	13.5	-	12.1	11	16.2
4	DT84	13.1	12.7	18.6	-	-	-	14.8

Điểm khảo nghiệm vụ hè 2001					
TT	Tên giống	Hoà Bình	Thái Nguyên	Lào Cai	
1	AK05	13.97	14.01	21.6	16.5
2	AK06	18.75	18.12	22.7	19.8
3	DT84	-	-	25.8	25.8
4	TL57	11.68	10.20	21.1	14.3

Điểm khảo nghiệm vụ đông 2001				
TT	Tên giống	Hà Tây	Việt Trì	
1	DT84	13.1	12.7	12.9
2	AK06	13.6	13.1	13.4
3	AK05	14.1	12.9	13.5
4	ĐT93	17.3	11.7	14.5

Với những kết quả được trình bày ở trên trong nghiên cứu thí nghiệm, khảo nghiệm và sản xuất thử chứng tỏ giống AK.06 là:

- Giống có thời gian sinh trưởng trung bình 81-98 ngày, có thể trồng được 3 vụ trong 1 năm : xuân, hè và thu-đông

- AK.06 cho năng suất cao và ổn định: trung bình ở vụ xuân đạt 23,5 tạ/ha, vụ hè đạt 24,2 tạ/ha và vụ thu-đông đạt 17,0 tạ/ha.

- Giống AK.06 có khả năng chống chịu sâu bệnh khá, thích ứng rộng trong sản xuất ở các tỉnh Miền Bắc. Đến nay diện tích giống AK.06 đã đạt 746 ha. Đã tổ chức được hai Hội nghị đầu bờ: tại Gia Lâm - Hà Nội ngày 14/9/1998 và Phú Xuyên - Hà Tây ngày 15/12/1999.

Kính đề nghị Hội đồng Khoa học Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn công nhận giống đậu tương AK.06 là giống Quốc gia.